**NHÓM 7**

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP (Năm học 2023-2024)**

KẾ HOẠCH GIÁO DỤCHOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP - KHỐI LỚP 11Năm học 2023-2024

1. **Đặc điểm tình hình  
   1. Số lớp: 03** ; Số học sinh: 107 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):   
   **2. Tình hình đội ngũ:** Số giáo viên chủ nhiệm: 03 ; Trình độ đào tạo: Đại học: 03 ; Trên đại học:  
   Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên[[1]](#footnote-1) 1: Tốt: 03; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0  
   **3. Thiết bị giáo dục:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị giáo dục có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục và theo phê duyệt về thiết bị dạy học tối thiểu – HĐTN, HN lớp 11[[2]](#footnote-2) )*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị giáo dục | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |

**Ghi chú:**- Đối với các thiết bị được tính cho đơn vị “trường”, “lớp”, “GV”, “HS”, căn cứ thực tế của các trường về: số điểm trường, số lớp, số HS/lớp để tính toán số lượng trang bị cho phù hợp, đảm bảo đủ thiết bị cho HS thực hành;  
- Tất cả các tranh/ảnh dùng cho GV nêu trên có thể thay thế bằng tranh/ảnh điện tử hoặc các video/clip;  
- Ngoài danh mục thiết bị như trên, giáo viên có thể sử dụng thiết bị dạy học của môn học khác và thiết bị dạy học tự làm.

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng đa năng | 0 |  |  |
| 2 | Sân thể thao | 01 | Tổ chức các HĐ cần không gian rộng, ngoài trời |  |
| 3 | Phòng sinh hoạt câu lạc bộ | 01 | Tổ chức các câu lạc bộ: Câu lạc bộ hướng nghiệp; |  |

1. **Kế hoạch giáo dục  
   *2.1. Thời lượng***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Học kì | Số tuần | Số tiết/tuần | Số điểm | | |
| Đánh giáthường xuyên | Đánh giágiữa kỳ | Đánh giácuối kỳ |
| I | 18 | 54 tiết ( Số tiết quy mô trường?  Số tiết quy mô lớp?  KTĐG: 2 tiết ) | 2 | 1 | 1 |
| II | 17 | 51 tiết ( Số tiết quy mô trường?  Số tiết quy mô lớp?  KTĐG: 2 tiết ) | 2 | 1 | 1 |

* 1. ***Phân phối chương trình***

**HỌC KÌ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chủ đề | Sốtiết | Yêu cầu cần đạt | **Loại hình tổ chức HĐTN, HN (105 tiết/ năm)** | | |
| **KHGD sinh hoạt dưới cờ** | Kế hoach HĐGD theo chủ đề | KHGD sinh hoạt lớp |
|  | Chủ đề 1: Xây dựng và phát triển nhà trường | **9** |  |  |  |  |
|  |  |  |
|  | Chủ đề 2: Khám phá bản thân | **12** |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  | Chủ đề 3: Rèn luyện bản thân | **6 tiết** |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  |  | **1 tiêt** | **ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ I** | | | |
|  | Chủ đề 3: Rèn luyện bản thân ( tiếp) | **12 tiết** |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  | Chủ đề 4: Chăm sóc gia đình | **9 tiết** |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  | Chủ đề 6: Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | **6 tiết** | - Nhận ra ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản than.  - Chủ động, tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, quảng bá hình ảnh cảnh quan thiên nhiên và kêu gọi mọi người cùng thực hiện.  - Đánh giá được thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương. | - Tuần 1: Tham gia cuộc thi tìm hiểu về các di sản thiên nhiên thế giới và quốc gia của Việt nam.  - Tuần 2: Tọa đàm về ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế và hoạt động sống của con người đến việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | 1. Chia sẻ về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên đối với trạng thái cảm xúc của bản thân.  2. Tìm hiểu biểu hiện của sự chủ động tích cực thực hiện việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên  3. lập kế hoạch đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương  4. đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư địa phương theo kế hoạch đã xây dựng  5. xây dựng kế hoạch hoạt động quảng bá hình ảnh và kêu gọi bảo tồn cảnh quan thiên nhiên  6. thực hiện kế hoạch hoạt động quảng bá hình ảnh và kêu gọi bảo tồn cảnh quan thiên nhiên danh lam thắng cảnh  7. thực hiện bảo tồn cảnh quan thiên nhiên danh lam thắng cảnh và kêu gọi mọi người cùng thực hiện | - Tuần 1: Trình bày kết quả đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thắng cảnh của cộng đồng dân cư tại địa phương theo kế hoạch đã lập.  - Tuần 2: Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động quảng bá hình ảnh và kêu gọi bảo tồn cảnh quan thiên nhiên theo kế hoạch đã lập.  Đánh giá cuối chủ đề. |
|  |
|  |  | **1 tiết** | **ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I** | | | |
|  | Chủ đề 5: Phát triển cộng đồng | **9 tiết** |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  | Chủ đề 7: Bảo vệ môi trường | **9 tiết** |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  | Chủ đề 8: Các nhóm nghề cơ bản và yêu cầu của thị trường lao động | **6 tiết** |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  |  | **1 tiết** | **ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II** | | | |
|  | Chủ đề 8: Các nhóm nghề cơ bản và yêu cầu của thị trường lao động ( tiếp) | **6 tiết** |  |  |  |  |
|  | Chủ đề 9: Rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với nhóm nghề lựa chọn | 11 tiết |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  | Chủ đề 10: Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập theo định hướng ngành, nghề lựa chọn | **6** tiết |  | **Trường/ khối** |  |  |
|  |  | **Lớp** |  |  |
|  |  | **1 tiết** | **ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II** | | | |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [↑](#footnote-ref-2)